

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS-ST
Ngày: 18-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Hữu Bình;

2/ Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Thế Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ (N), sinh năm 1996, tại Cà Mau; nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm Thuê; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1960 và bà Lê Thị B, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 06/11/2017. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1965; HKTT: Ấp I, xã O, huyện P, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Thành P, sinh năm 1963; HKTT: Khu phố G, thị trấn H, huyện K, tỉnh Tây Ninh. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05/11/2017, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô đi chơi về theo hướng xã L đi thị trấn E, huyện D. Khi đến đường Tự Do thuộc thị trấn E, Đ phát hiện 01 xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29 của Trần Ngọc S để phía trước nhà Phạm Ngọc Hùng C thuộc khu phố T, thị trấn E, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thấy xe không có người trông coi nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Đ điều khiển xe mô tô về chỗ ở tại Công ty U thuộc xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương để cất xe mô tô và chuẩn bị 01 tuốc nơ vít có sẵn trong xe mô tô bỏ vào túi quần bên phải sau đó đi bộ quay lại chỗ để xe ô tô trên. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, Đ đến chỗ xe ô tô biển số: 70A - 039.29 và dùng tuốc nơ vít cạy mở khóa cửa trước bên phải của xe. Sau khi mở được cửa xe, Đ vào trong xe tiếp tục dùng tuốc nơ vít cạy mở khóa công tắc nguồn và đề khởi động xe. Đ điều khiển xe ô tô vừa trộm được theo hướng xã L đi huyện V, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó điều khiển xe đến huyện X, tỉnh Tây Ninh. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 06/11/2017, S phát hiện xe bị mất nên đã trình báo Công an thị trấn E đồng thời cùng Dương Quốc T, sinh năm 1979, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố R, thị trấn E, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tổ chức tìm kiếm. Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, Đ điều khiển xe ô tô trên đến tại tiệm sửa khóa của Lê Văn C, sinh năm 1980 thuộc khu phố Q, thị trấn S, huyện X, tỉnh Tây Ninh để sửa thì bị T phát hiện. T báo Công an thị trấn S, huyện X, tỉnh Tây Ninh cùng người dân bắt giữ Đ và thu giữ xe ô tô trên, sau đó bàn giao cho Công an huyện Dầu Tiếng.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29, số máy: B10S1366665KC2, số khung: RLLKF480EAH007018.

Kết luận định giá tài sản số 53/KLĐG ngày 08/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng kết luận: 01 (một) xe ô tô con 05 chỗ ngồi, nhãn hiệu: CHEVROLET, loại xe: SPARK, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29, số máy: B10S1366665KC2, số khung: RLLKF480EAH007018 sản xuất năm 2010 trị giá 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 30 - 36 tháng tù.

* Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29, số máy: B10S1366665KC2, số khung: RLLKF480EAH007018. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên do ông Nguyễn Thành P đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/11/2017, ông P cho ông S mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 09/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe ô tô trên cho ông P. Ông P không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 (một) tuốc nơ vít do Đ sử dụng làm công cụ phạm tội, quá trình chạy trốn Đ đã làm mất, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không thu hồi được nên không đặt ra xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Ngọc S yêu cầu bị cáo Đ bồi thường tiền thay ổ khóa công tắc nguồn xe ô tô do Đ làm hư hỏng với số tiền là 1.800.000 đồng. Đ đồng ý bồi thường nên đề nghị ghi nhận.

- Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố, bị cáo nhìn nhận trách nhiệm của mình và tỏ thái độ ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Ý kiến của bị hại tại phiên tòa: Ông Trần Ngọc S yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thay ổ khóa công tắc nguồn xe ô tô do Đ làm hư hỏng với số tiền là 1.800.000 đồng. Về hình phạt ông S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Tại phiên tòa bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai. Bị cáo rất hối hận. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận như sau: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 05/11/2017, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô đi chơi về theo hướng xã L đi thị trấn E, huyện D. Khi đến đường Tự Do thuộc thị trấn E, Đ phát hiện 01 xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29 đỗ phía trước nhà Phạm Ngọc Hùng C thuộc khu phố T, thị trấn E, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thấy xe không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Đ điều khiển xe mô tô về chỗ ở tại Công ty U thuộc xã N, huyện D, tỉnh Bình Dương để cất xe mô tô và chuẩn bị

01 tuốc nơ vít có sẵn trong xe mô tô bỏ vào túi quần bên phải sau đó đi bộ quay lại chỗ để xe ô tô trên. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 06/11/2017, Đ đến chỗ xe ô tô biển số: 70A - 039.29 và dùng tuốc nơ vít cạy mở khóa cửa trước bên phải của xe. Sau khi mở được cửa xe, Đ vào trong xe tiếp tục dùng tuốc nơ vít cạy mở khóa công tắc nguồn và đề khởi động xe chạy đi. Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET trị giá 150.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 03/CTr-VKS ngày 29/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 150.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự an ninh nơi xảy ra vụ án.

[4] Xét mục đích, động cơ phạm tội: Xuất phát từ động cơ chỉ vì muốn có tiền tiêu xài để phục vụ nhu cầu cá nhân nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã bất chấp pháp luật dân thân vào con đường phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra để bị cáo tự nhận thức, sửa chữa lỗi lầm của mình và giáo dục bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe tình hình phạm tội phát sinh nói chung.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nhân thân tốt. Đó là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, mức hình phạt và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí thay ổ khóa công tắc nguồn là 1.800.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

[9] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, màu sơn: Đỏ, biển số: 70A - 039.29, số máy: B10S1366665KC2, số khung: RLLKF480EAH007018. Quá trình điều tra xác định xe ô tô trên do ông Nguyễn Thành P đứng tên chủ sở hữu. Ngày 04/11/2017, ông P cho ông S mượn làm phương tiện đi lại. Ngày 09/11/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe ô tô trên cho ông P là phù hợp.

Đối với 01 (một) tuốc nơ vít do Đ sử dụng làm công cụ phạm tội, quá trình chạy trốn Đ đã làm mất, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không thu hồi được nên không đặt ra xử lý.

[10] Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ (N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Ngọc S số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày ông S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đ không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bị cáo Đ còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Không xem xét.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/01/2018). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- CCTHA H. Dầu Tiếng;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy Linh